TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 09/01/2018
Vv "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần C Phương
2. Bà Đinh Thị Thanh Tuyền
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án

Ngày **09** tháng **01** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2017/QĐXX- ST ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị K**, sinh: 1966.
Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
Bà K ủy quyền cho anh Nguyễn Văn P, sinh: 1976.
Trú tại: Khu phố 5, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
2. *Bị đơn*: Bà **Phan Thị C**, sinh: 1951.
Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn khởi kiện bổ sung cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Vào ngày 20/11/2015 âm lịch bà K có cho bà Phan Thị C vay số tiền 85.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, bà C đóng lãi được 02 tháng với số tiền 8.500.000 đồng, sau đó ngưng không đóng nữa. Mục đích bà C vay để sửa chữa nhà, hứa đến tháng 7/2016 sẽ trả tất nợ. Ngày 20/5/2016 bà C có nhờ mượn số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà C đóng lãi được 01 tháng với số tiền là 450.000 đồng sau đó không đóng lãi nữa, tổng số tiền lãi bà C đóng cho bà K là 23.950.000 đồng. Ngày 07/10/2016 bà C đã trả được số tiền gốc là 20.000.000 đồng

của số tiền vay 85.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/11/2017 bà K yêu cầu trả số tiền gốc và lãi là 152.150.000 đồng, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Phan Thị C trả tổng số tiền gốc còn lại là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 12.991.250 đồng (trong đó số tiền lãi của 65.000.000 đồng tính từ tháng 10/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,125%/tháng với số tiền 10.237.000 đồng; Số tiền lãi của 15.000.000 đồng tính từ tháng 5/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,125%/tháng là 2.756.250 đồng. Tổng cộng yêu cầu bà C trả số tiền là 92.991.250 đồng.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là tờ cam kết vay tiền tiền ghi ngày 20/11/2015 và ngày 20/5/2016.

Theo bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phan Thị C trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 20/11/2015 âm lịch bà có vay của bà K số tiền 85.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất 05%/tháng. Mục đích vay là để làm nhà, từ lúc vay bà đóng lãi được 08 tháng với số tiền là 26.000.000 đồng. Tháng 10/2016 bà đã trả được cho bà K 20.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 65.000.000 đồng. Số tiền vay 15.000.000 đồng bà cũng thừa nhận có vay và ký cam kết ngày 20/5/2016. Nay bà đồng ý trả cho bà K số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của bà K. Đối với số tiền lãi bà đóng cho bà K là 41.450.000 đồng bà không có làm giấy tờ gì và cũng không có chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án về việc mình đóng lãi cho bà K. Tuy nhiên, bà cho rằng bà đóng lãi với mức lãi suất cao nay bà yêu cầu tính lại lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định để khấu trừ vào số tiền bà còn nợ bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay 80.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất 1,125%/tháng là 12.991.250 đồng. Do đó, xét đây là vụ án dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nguyên đơn bà K và bị đơn bà C đều thừa nhận tổng số tiền mà bà C đã vay của nguyên đơn là 80.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố dụng dân sự năm 2015.

- *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà C thừa nhận có vay của bà K với tổng số tiền 80.000.000 đồng và cũng đồng ý trả cho bà K số tiền 80.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu tính lại lãi theo mức lãi suất Nhà nước quy định để khấu trừ vào số tiền mà bị đơn còn nợ nguyên đơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với tiền vay: Theo giấy cam kết vay tiền ghi ngày 20/11/2015 và ngày 20/5/2016: Nội dung xác định bà C có vay tiền của bà K 02 lần với số tiền 100.000.000 đồng và có tự nguyện thỏa thuận lãi nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản và là sự thỏa thuận của các bên. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các bên cũng thừa nhận bà C đã trả được số tiền 20.000.000 đồng cho bà K. Từ cơ sở trên xác định số tiền bà C còn nợ và phải tiếp tục trả cho bà K là 80.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Giấy vay tiền ghi ngày 20/11/2015 không ghi nội dung các bên thỏa thuận có lãi nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn. Mặc khác, tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bà C cũng cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và đại diện nguyên đơn cũng xác nhận bà C đã đóng lãi với số tiền 23.950.000 đồng. Trong đó có 01 tháng lãi của số tiền 15.000.000 đồng sau đó không có đóng lãi nữa và không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương 1,6%/tháng. Yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 1,125%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Tuy nhiên, bà C cho rằng đóng lãi với mức lãi suất cao nên yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật và lãi suất của số tiền vay được tính tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn là 1,6%/tháng. Do đó, số tiền lãi được tính từ thời gian vay đến ngày xét xử được tính như sau: Từ ngày 20/11/2015 đến ngày 07/10/2016 (85.000.000 đồng x 10 tháng x 1,6% = 13.600.000 đồng; từ ngày 07/10/2016 đến tháng 11/2017 (65.000.000 đồng x 14 tháng (nhuần tháng 6) x 1,6% = 14.560.000 đồng; từ ngày 20/5/2016 đến tháng 11/2017 (15.000.000 đồng x 19 tháng (nhuần tháng 6) x 1,6% = 4.560.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bà C có nghĩa vụ trả cho bà K tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử là: 32.720.000 đồng. Do bà C đã trả số tiền lãi cho bà K được 23.950.000 đồng nên bà còn phải trả tiếp 8.770.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, cần buộc bà Phan Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị K tổng số tiền là 88.770.000 đồng là phù hợp.

Về án phí: Bà Phan Thị C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 88.770.000 đồng x 5% = 4.438.500 đồng. Bà Võ Thị K có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền không được chấp nhận là 4.221.250 đồng x 5% = 210.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, 92, 93, 96 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu K kiện của bà Võ Thị K.

Cụ thể tuyên:

Buộc bà Phan Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị K số tiền 88.770.000 (*Tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn*) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ yêu cầu của bà Võ Thị K đối với bà Phan Thị C trả số tiền 59.158.750 (*Năm mươi chín triệu một trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi*) đồng.

Bác yêu cầu của bà Võ Thị K đối với bà Phan Thị C trả số tiền 4.221.250 (*Bốn triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi*) đồng.

2. Về án phí: Bà Phan Thị C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 4.438.500 (*Bốn triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn năm trăm*) đồng. Bà Võ Thị K có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 210.000 (*Hai trăm mười nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0013040 ngày 30/10/2017. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam hoàn lại cho bà Võ Thị K số tiền 3.024.000 (*Ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn*) đồng theo biên lai nêu trên và hoàn trả số tiền 758.500 (*Bảy trăm năm mươi tám nghìn năm trăm*) đồng theo biên lai thu số 0013508 ngày 20/11/2017 cho bà Võ Thị K.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam.*
- *TAND tỉnh Bến Tre.*
- *CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí